

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1440/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 27 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án điều chỉnh dự án
Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT Tân Phước Khánh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quyết định, điều chỉnh và dừng chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 1783/SXD-KTKT ngày 05/5/2025 của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1784/TTr-SXD ngày 05/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án điều chỉnh Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT Tân Phước Khánh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT Tân Phước Khánh.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.
3. Chủ đầu tư: UBND thành phố Tân Uyên.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

*** Mục tiêu:**

Nhằm giảm áp lực về thiếu trường Trung học phổ thông (THPT) tại địa phương; Xây dựng đội ngũ giáo viên có năng lực và tâm huyết phát triển ngành giáo dục địa phương; góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng điều kiện phấn đấu đạt trường chuẩn quốc gia.

*** Quy mô đầu tư xây dựng:**

4.1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính về quy hoạch, kiến trúc:

- Tổng diện tích khu đất: 8.263,03m².

Trong đó:

- Đất thực hiện dự án: 7.606,90 m², gồm:

+ Diện tích chiếm đất công trình: 2.142,23 m²; tỷ lệ: 28,17%.

+ Diện tích đất sân vườn, cây xanh: 3.526,98 m²; tỷ lệ: 46,35%.

+ Diện tích đất giao thông: 1.937,69 m²; tỷ lệ: 25,48%.

- Đất tiếp cận công trình: 656,13 m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 6.461,26 m²

- Mật độ xây dựng: 28,17%.

- Hệ số sử dụng đất toàn khu: 0,85 lần.

- Tầng cao xây dựng tối đa: 04 tầng + tầng kỹ thuật.

- Chiều cao tối đa: 18,30m.

4.2. Quy mô các công trình có trong dự án:

4.2.1. Khối lớp học (khối B):

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): + 0,45m.

Chiều cao tầng 1: +3,6m.

Chiều cao tầng 2,3,4: +3,6m; tầng kỹ thuật: +3,2m.

Tổng chiều cao tính từ cốt sân đến đỉnh mái công trình là: +18,30m.

Số tầng: 04 tầng + tầng kỹ thuật.

Diện tích xây dựng: 342,11m²

Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.164,95m². Trong đó, tầng 1: 350,53m²; tầng 2: 335,47m²; tầng 3: 347,30m²; tầng 4: 66,31m²; tầng kỹ thuật: 65,34m².

Phân khu chức năng:

- Tầng 1: bố trí phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập; phòng học; phòng thiết bị giáo dục; khu vệ sinh, vệ sinh khuyết tật; cầu thang, thang máy, hành lang, sảnh uống nước.

- Tầng 2: bố trí 02 phòng học; phòng sinh hoạt Đoàn TNCSHCM; khu vệ sinh; cầu thang, thang máy, hành lang, sảnh uống nước.

- Tầng 3: bố trí 02 phòng học; phòng hiệu trưởng; phòng hoạt động tổ chức công đoàn; khu vệ sinh; cầu thang, thang máy, hành lang, sảnh uống nước.

- Tầng 4: bố trí khu vệ sinh; cầu thang, thang máy, hành lang.

- Tầng kỹ thuật: bố trí phòng kỹ thuật thang máy; phòng kỹ thuật; cầu thang, thang máy, hành lang.

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép. Mái bằng bê tông cốt thép. Riêng sàn phòng học bằng bê tông cốt thép gạch bông.

Vật liệu sử dụng chính: Nền phòng lát gạch thạch anh, nền hành lang lát gạch thạch anh nhám. Bậc tam cấp xây gạch thẻ, mặt bậc lát đá granite. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước kết hợp ốp gạch, đá trang trí (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện). Cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính bên trong có bông sắt gắn cố định vào tường. Khu vực vệ sinh: Tường ốp gạch ceramic (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện), sàn gạch thạch anh nhám. Vách ngăn các phòng vệ sinh, cửa ngăn từng phòng vệ sinh bằng tấm compact. Đóng trần khung nổi tấm nhựa tổng hợp.

4.2.2. Khối phòng học kết hợp khu hành chính quản trị (khối A)

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): + 0,45m.

Chiều cao tầng 1: +3,6m.

Chiều cao tầng 2,3,4: +3,6m.

Tổng chiều cao tính từ cốt sân đến đỉnh mái công trình là: +16,42m.

Số tầng: 04 tầng.

Diện tích xây dựng: 237,33m²

Tổng diện tích sàn xây dựng: 931,20m². Trong đó, tầng 1: 232,80m²; tầng 2: 232,80m²; tầng 3: 232,80m²; tầng 4: 232,80m².

Phân khu chức năng:

- Tầng 1: bố trí 01 phòng học; phòng giáo viên + nghỉ giáo viên; phòng y tế; văn phòng; cầu thang; hành lang.

- Tầng 2: bố trí 01 phòng học; phòng giáo viên + nghỉ giáo viên; phòng phó hiệu trưởng 1; phòng hoạt động giám thị; cầu thang; hành lang.

- Tầng 3: bố trí 01 phòng học; phòng giáo viên + nghỉ giáo viên; kho dụng cụ chung và học phẩm + lưu trữ; cầu thang; hành lang.

- Tầng 4: bố trí phòng các tổ chuyên môn; phòng phó hiệu trưởng 2; phòng học cán bộ - giáo viên - nhân viên (có sân khấu); cầu thang; hành lang.

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép. Mái bằng bê tông cốt thép. Riêng sàn phòng học bằng bê tông cốt thép gạch bông.

Vật liệu sử dụng chính: Nền phòng lát gạch thạch anh, nền hành lang lát gạch thạch anh nhám. Bậc tam cấp xây gạch thẻ, mặt bậc lát đá granite. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước kết hợp ốp gạch, đá trang trí (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện). Cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính bên trong có bông sắt gắn cố định vào tường. Khu vực vệ sinh: Tường ốp gạch ceramic (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện), sàn gạch thạch anh nhám. Vách ngăn các phòng vệ sinh, cửa ngăn từng phòng vệ sinh bằng tấm compact. Đóng trần khung nổi tấm nhựa tổng hợp.

4.2.3. Khối phòng học bộ môn (khối E)

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): + 0,282m.

Chiều cao tầng 1: +3,6m.

Chiều cao tầng 2,3: +3,6m.

Tổng chiều cao tính từ cốt sân đến đỉnh mái công trình là: +13,332m.

Số tầng: 03 tầng.

Diện tích xây dựng: 180,90m²

Tổng diện tích sàn xây dựng: 542,70m². Trong đó, tầng 1: 180,90m²; tầng 2: 180,90m²; tầng 3: 180,90m².

Phân khu chức năng:

- Tầng 1: bố trí 01 phòng tin học; cầu thang; hành lang.

- Tầng 2: bố trí 01 phòng tin học; cầu thang; hành lang.
- Tầng 3: bố trí 01 phòng tin học; cầu thang; hành lang.

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép. Mái bằng bê tông cốt thép. Riêng sàn phòng học bằng bê tông cốt thép gạch bông.

Vật liệu sử dụng chính: Nền phòng lát gạch thạch anh, nền hành lang lát gạch thạch anh nhám. Bậc tam cấp xây gạch thẻ, mặt bậc lát đá granite. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước kết hợp ốp gạch, đá trang trí (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện). Cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính bên trong có bông sắt gắn cố định vào tường.

4.2.4. Khối nhà vệ sinh học sinh, giáo viên (khối F)

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.

Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): + 0,39m.

Tổng chiều cao tính từ cốt sàn đến đỉnh mái công trình là: +4,99m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng: 147m²

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép. Mái bằng bê tông cốt thép.

Vật liệu sử dụng chính: Nền phòng, hành lang lát gạch thạch anh nhám. Bậc tam cấp xây gạch thẻ, mặt bậc lát đá granite. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước kết hợp ốp gạch ceramic (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện). Vách ngăn các phòng vệ sinh, cửa ngăn từng phòng vệ sinh bằng tấm compact. Đóng trần khung nổi tấm nhựa tổng hợp.

4.2.5. Hành lang nổi khối

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp III.

- Số tầng: 03 tầng.

- Chiều cao công trình 11,75m.

- Diện tích sàn xây dựng: 23,22m².

- Cấu trúc: móng, cột, đà, dầm, sàn bê tông cốt thép. Nền lát gạch thạch anh nhám. Lan can bằng inox. Mái lợp tôn, vì kèo sắt hộp.

4.2.6. Nhà thường trực

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.

Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): + 0,284m.

Tổng chiều cao tính từ cốt sàn đến đỉnh mái công trình là: +4,084m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng: 15,3m²

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép. Mái bằng bê tông cốt thép.

Vật liệu sử dụng chính: Nền phòng lát gạch thạch anh. Bậc tam cấp xây gạch thẻ, mặt bậc lát đá granite. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước kết hợp ốp gạch, đá trang trí (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện). Cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính bên trong có bông sắt gắn cố định vào tường. Khu vực vệ sinh: Tường ốp gạch ceramic (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện), nền gạch thạch anh nhám. Đóng trần khung nổi tấm nhựa tổng hợp.

4.2.7. Cổng - Biển tên

- Cổng chính, cửa phụ (1 cánh), trụ cổng: rộng 14,18m.

+ Trụ cổng bằng bê tông cốt thép, xung quanh xây gạch không nung xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước.

+ Cổng chính: chiều rộng thông thủy 7,2m; cửa chính sắt trượt rộng 8,4m cao 2,44 m, song sắt sơn 3 lớp, sử dụng mô tơ đẩy cửa. Cửa phụ một cánh, chiều rộng thông thủy 1,6m cao 2,32m, song sắt sơn 3 lớp.

+ Chiều cao thông thủy cổng chính 4,74m, chiều cao cổng là 5,34m. Mái cổng bằng bê tông cốt thép.

- Cổng phụ, trụ cổng: rộng 4,5m (*chiều rộng thông thủy 3,6m*). Trụ cổng bằng bê tông cốt thép, xung quanh xây gạch không nung xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước. Cửa cổng 2 cánh bằng sắt, song sắt sơn 3 lớp.

- Biển tên gắn liền với cổng chính, trang trí theo bản vẽ kiến trúc.

4.2.8. Hàng rào xung quanh

- Chiều dài: 402m

- Cấu trúc:

+ Hàng rào loại 1 (tiếp giáp đường ĐH 403): 70m. Bước cột điển hình 4,0m, trụ cột bằng bê tông cốt thép xung quanh xây gạch không nung xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước; chiều cao cột điển hình 2,9m. Hàng rào xây gạch không nung xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước kết hợp song sắt, chông sắt trang trí; chân tường hai mặt ốp đá tự nhiên kích thước 100x200mm.

+ Hàng rào loại 2: 332m. Bước cột điển hình 4,0m, trụ cột bằng bê tông cốt thép, chiều cao cột điển hình 2,9m. Hàng rào xây gạch không nung xi măng



cốt liệu dày 100mm, bả matit, sơn nước kết hợp chông sắt trang trí; chân tường hai mặt ốp đá tự nhiên kích thước 100x200mm.

4.2.9. Cột cờ

- Số lượng: 01 cột
- Cấu trúc: móng bê tông đá; cột cờ bằng inox; dây kéo cờ dùng cáp 4mm. Nền cột cờ mặt nền lát đá granite nhám. Bậc cấp ốp đá granite, kê chỉ chống trượt.

4.2.10. Nhà chứa rác

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp IV.
- Diện tích xây dựng: 3,0m².
- Cấu trúc:
 - + Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 2,19m.
 - + Kết cấu: khung, vách, xà gồ, mái bằng inox. Nền lát gạch terrazzo. Cửa đi khung inox, panel inox tấm; chốt cửa, khóa, bản lề đầu tư đồng bộ. Mái xà gồ inox; mái lợp inox.

4.2.11. Nhà điều hành xử lý nước thải

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 7,3m².
- Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 3,2m.
- Cấu trúc: móng, cột, đà bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông đá. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước. Cửa đi khung nhôm hộp, chớp nhôm chữ Z. Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu; xà gồ thép.

4.2.12. Nhà để xe học sinh, giáo viên

- Loại, cấp công trình: công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 374,15m².
- Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 3,43m.
- Cấu trúc: móng, đà, giằng bê tông cốt thép. Cột khung ống thép. Nền lát gạch terrazzo. Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu; xà gồ, vì kèo bằng thép.

4.2.13. Bể nước ngầm

- Khối lượng xây dựng: 515m^3 (trong đó thể tích nước tối thiểu bể nước chữa cháy 270m^3 , bể nước trung chuyển 30m^3).

- Cấu tạo: toàn bộ thành, nắp, đáy bể bằng bê tông cốt thép; thang xuống thăm bể bằng inox 304. Bể nước trung chuyển: tường, nền bên trong ốp gạch thạch anh.

4.2.14. Nhà che máy bơm, máy phát điện dự phòng

- Loại, cấp công trình: công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: $27,44\text{m}^2$.

- Chiều cao công trình: 3,2m.

- Cấu trúc: cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông đá. Tường bao quanh xây gạch không nung xi măng cốt liệu, bả mastit, sơn nước kết hợp hệ lam nhôm. Cửa đi khung nhôm kết hợp chớp nhôm chữ Z. Sàn mái bê tông cốt thép, phía trên xử lý chống thấm.

4.2.15. Máng rửa tay

- Số lượng: 5 bộ (mỗi bộ dài 3m)

- Cấu trúc: máng rửa tay sát khuẩn bằng inox tấm dày 1,0mm, khung, giằng bằng inox hộp.

4.2.16. Đường bê tông nhựa

- Diện tích xây dựng: $1.539,68\text{m}^2$. Trong đó, đường nội bộ: $1.086,88\text{m}^2$; đường thuộc đất tiếp cận công trình: $452,80\text{m}^2$.

- Cấu tạo: lớp bê tông nhựa hạt mịn C12.5 rải nóng dày 50mm, lu lèn $K \geq 0,98$, $E=280\text{Mpa}$; lớp nhựa bám dính $0,5\text{kg}/\text{m}^2$; lớp bê tông nhựa hạt trung C19 dày 60mm, lu lèn $K \geq 0,98$, $E=350\text{Mpa}$; lớp nhựa thấm bám $1,0\text{kg}/\text{m}^2$; lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 200mm, lu lèn $K \geq 0,98$, $E=300\text{Mpa}$; lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 200mm, lu lèn $K \geq 0,98$, $E=250\text{Mpa}$; lớp đất san nền; lớp đất tự nhiên dọn sạch.

4.2.17. Sân lát gạch terrazzo

- Diện tích xây dựng: $689,63\text{m}^2$. Trong đó, sân nội bộ: $578,53\text{m}^2$; vỉa hè thuộc đất tiếp cận công trình: $111,10\text{m}^2$.

- Cấu tạo: lát gạch terrazzo kích thước $400 \times 400\text{mm}$ dày 30mm; lớp hồ dầu dán gạch; lớp vữa xi măng; lớp bê tông đá $10 \times 20\text{mm}$ M150 dày 60mm; lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; lớp đất san nền; lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.

4.2.18. Bó vỉa công trình (sân đường, bồn hoa)

- Chiều dài: 526m.
- Cấu tạo: bó vỉa bê tông đá 10x20mm M250, đánh bóng sơn dầu mặt nổi; lớp bê tông lót đá 10x20 M150 dày 60mm; lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.

4.2.19. Cây xanh, thảm cỏ

- Diện tích: 3.526,98m², trong đó diện tích trồng cỏ lá gừng thái: 1.455,5m².
- Cấu trúc: cây xanh (trồng mới, hiện trạng), trồng cỏ; lớp đất hữu cơ. Bố trí khung giằng giữ cây xanh bằng thép tráng kẽm. Dự án giữ lại 3 cây xanh hiện trạng, trồng mới 39 cây xanh các loại (*trong đó: 7 cây Cau bụi; 10 cây Sao; 4 cây Dầu; 10 cây Hoàng nam*) phù hợp theo tiêu chuẩn và Đề án cây xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 29/9/2023.

4.2.20. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

1. San nền

- Diện tích san nền: 6.903,90m².
- Cao trình thiết kế: $H = 14.410m \div 14.790m$.
- Khối lượng đất đào: 30,84m³

2. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng tổng thể

- Đầu tư hệ thống trụ điện, đường dây và trạm biến áp Amorphous 3P 180KVA (loại dầu) đấu nối vào đường dây trung thế 22KV khu vực nằm trên đường ĐH 403 tại trụ "05-DS-TRUNG HỌC TÂN PHƯỚC KHÁNH" để hạ lưới điện cấp nguồn cho dự án. Ngoài ra, dự án đầu tư máy phát điện dự phòng 3P, 25-27,5 kVA để đảm bảo cung cấp điện cho công trình khi có sự cố mất điện xảy ra (*máy phát điện dự phòng cung cấp điện hệ thống máy bơm nước sinh hoạt và thang máy khối hiệu bộ khi mất điện*).

- Hệ thống chiếu sáng tổng thể: sử dụng đèn cao áp led 180W năng lượng mặt trời, được gắn trực tiếp vào tường của khối nhà qua cần đèn STK Ø60 (nhằm tiết kiệm chi phí, tạo thông thoáng) hoặc lắp đặt trên trụ đèn STK Ø90, dưới chân các trụ đèn sử dụng cọc tiếp địa chôn sâu dưới đất nhằm đảm bảo an toàn về điện khi có sự cố rò rỉ điện trong suốt quá trình sử dụng.

- Điện chiếu sáng trong công trình: tất cả các đèn sử dụng bóng led.
- Mạng lưới điện chủ yếu phục vụ chiếu sáng sinh hoạt và các thiết bị điện trường học.

- Hệ thống điện thiết kế cho công trình phục vụ chiếu sáng cấp nguồn các thiết bị cho nhu cầu: học tập, văn phòng làm việc, các phòng chức năng, điều hòa không khí, hệ thống báo và chữa cháy, hệ thống bơm nước, thang máy.

3. Hệ thống cấp, thoát nước tổng thể

a. Hệ thống cấp nước

- Hệ thống cấp nước cho công trình đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Nguồn nước sử dụng cho dự án được đấu nối trực tiếp với hệ thống cấp nước hiện trạng của trường (đấu nối vào hệ thống cấp nước đô thị nằm trên tuyến đường ĐH 403).

- Nước từ hệ thống cấp nước đô thị đi thẳng vào bể nước ngầm (bể nước chữa cháy, bể nước trung chuyển) thông qua ống HDPE DN63; sau đó sử dụng hệ thống bơm (mỗi bơm có công suất 5,5HP, 18m³/h, H=34m) bơm nước từ bể trung chuyển lên các bồn inox nằm trên mái các khối nhà để cung cấp nước cho công trình.

- Nhu cầu dùng nước của dự án chủ yếu là nước sinh hoạt và chữa cháy cho công trình.

b. Hệ thống thoát nước

- *Thoát nước mưa*: Nước từ trên mái các khối nhà thoát xuống bằng ống uPVC Ø90 đứng đặt trong hộp gen rồi chảy vào hệ thống hồ ga, cống bê tông cốt thép bố trí xung quanh công trình, sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận thông qua hệ thống cống bê tông cốt thép Ø400, Ø600 và hồ ga (*biên bản làm việc ngày 16/12/2022 về việc khảo sát phương án lắp đặt hệ thống thoát nước cho trường THPT Tân Phước Khánh*).

- *Thoát nước sinh hoạt, vệ sinh*: Nước thải từ các khu vệ sinh sẽ được tập trung về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải thông qua ống HDPE Ø160, Ø200 để xử lý; nước thải sau khi xử lý đạt chuẩn cột A theo yêu cầu QCVN 14:2008/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) sẽ được dẫn ra nguồn tiếp nhận thông qua ống HDPE Ø200 và hồ ga (*biên bản làm việc ngày 16/12/2022 về việc khảo sát phương án lắp đặt hệ thống thoát nước cho trường THPT Tân Phước Khánh*).

4. Hệ thống thông tin liên lạc

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống thông tin liên lạc hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia, vị trí lắp đặt ở những nơi làm việc, những khu vực thiết yếu, với mục đích là giảm số lượng mạch chuyển đổi và giảm chi phí cho việc lắp đặt và truyền dẫn, đảm bảo chất lượng tốt nhất.

- Nguồn cung cấp hệ thống thông tin liên lạc cho công trình được đầu nối từ nhà cung cấp dịch vụ thông qua tuyến cáp viễn thông nằm trên đường ĐH 403.

5. Hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Hệ thống báo cháy gồm 1 tủ báo cháy trung tâm 20 Zones đặt tại nhà bảo vệ.

- Công trình được xây dựng và trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: máy bơm chữa cháy, bể nước chữa cháy 270m³, họng cứu hỏa, bình CO₂, bình MF8, hệ thống báo cháy tự động... nhằm phòng khi có sự cố xảy ra.

- Hệ thống chữa cháy được thiết kế độc lập với hệ thống cấp nước sinh hoạt, đây là dạng máy bơm chuyên dùng chỉ hoạt động khi có cháy và phải đảm bảo lưu lượng và áp lực theo các yêu cầu thiết kế.

- Giải pháp thiết kế bao gồm chữa cháy bằng nước (chữa cháy bên ngoài và chữa cháy vách tường) kết hợp với dụng cụ, thiết bị chữa cháy bằng tay như bình bình CO₂, bình chữa cháy bột khô cầm tay.

+ Nước từ bể nước chữa cháy 270m³ được đưa vào hệ thống chữa cháy bằng cụm máy bơm chữa cháy, gồm: máy bơm động cơ Diesel với P=50HP, Q=108m³/h, H=76,5m, máy bơm động cơ điện với P=50HP, Q=108m³/h, H=76,5m và máy bơm bù áp 3 pha với P=4,0HP, Q=4,8m³/h, H=88m. Toàn bộ hệ thống cấp nước chữa cháy sử dụng đường ống STK DN100, DN80, DN50 tráng kẽm, sơn màu đỏ được thiết kế mạch vòng khép kín quanh công trình.

+ Bên trong công trình thiết kế hệ thống chữa cháy vách tường sử dụng ống DN80 làm trục đứng; đặt các tủ dọc theo hành lang ở những nơi dễ dàng sử dụng khi có cháy, trong mỗi tủ có 1 cuộn ống phòng cháy chữa cháy, 1 vòi cấp nước chữa cháy. Ngoài ra còn bố trí hệ thống báo cháy tự động bên trong công trình đảm bảo khi có sự cố cháy nổ sẽ được phát hiện kịp thời.

- Hệ thống chữa cháy bằng khí CO₂ được nén trong các bình kim loại chịu áp lực, van xả khí, ống dẫn và đầu xả khí.

6. Hệ thống chống sét

- Sử dụng hệ thống chống sét với kim thu sét cổ điển, kim thu sét bằng thép mạ đồng Ø16mm, chiều dài 2,4m, vuốt nhọn đầu trên đặt tại các vị trí đã định sẵn trên mái các khối nhà.

- Sử dụng cáp đồng trần tiết diện 50mm² kết hợp bát kẹp bằng đồng giữ dây cáp để dẫn sét từ kim thu sét xuống các bãi tiếp địa.

- Dùng hộp đo điện trở để kiểm tra điện trở đất chống sét, nếu $R_d > 10\Omega$ phải đóng thêm cọc tiếp địa hoặc dùng hóa chất tại nơi tiếp địa để xử lý.

- Bãi tiếp địa gồm giếng khoan tiếp địa và các cọc tiếp địa bằng thép mạ đồng Ø16, chiều dài 2,4m, cọc chôn sâu cách mặt đất hoàn thiện ít nhất 0,8m có tác dụng tải năng lượng sét xuống đất an toàn và nhanh chóng. Việc kết nối giữa dây cáp nối đất và cọc tiếp địa được thực hiện bằng mối hàn hóa nhiệt.

4.3. Thiết bị cho công trình

Trang thiết bị được bố trí, lắp đặt cho công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập của nhà trường.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH MTV Hoàng Phúc.

6. Địa điểm xây dựng: phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

a) Nhóm dự án: Nhóm B.

b) Loại công trình: Công trình dân dụng (Chi tiết: công trình giáo dục).

c) Cấp công trình: Cấp II.

d) Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: thời hạn sử dụng theo thiết kế 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế kiến trúc:

- TCXDVN 264-2002: Nhà và công trình Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng.

- TCVN 8794-2011: Trường trung học - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.

-- TCVN 9366-2012: Cửa kim loại, cửa đi, cửa sổ - Yêu cầu kỹ thuật.

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế kết cấu:

- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng nền. Nguyên tắc cơ bản và tính toán.

- TCVN 9386:2012: Thiết kế công trình chịu động đất.

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế hệ thống cấp điện:

- TCVN 16-1986: Chiều sáng nhân tạo trong công trình dân dụng.

- TCXD 29-1991: Chiều sáng tự nhiên trong công trình dân dụng. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207-2012: Đặt đường dây điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế hệ thống cấp thoát nước:

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong nhà và công trình.

- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXD 33-2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình.

- TCVN 7957-2012: Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công.

Tiêu chuẩn xây dựng về hệ thống PCCC và báo cháy:

- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình.

- TCVN 6379-1998: Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 9310-2012: Phòng cháy chữa cháy.

- TCVN 5738-2021: Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.

- TCVN 3890-2023: Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện Phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

Tiêu chuẩn xây dựng về hệ thống chống sét:

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

Các tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh: 83.171.971.041 đồng (Tám mươi ba tỷ, một trăm bảy mươi một triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn, không trăm

bốn mươi một đồng). Trong đó:

Chi phí đền bù, hỗ trợ, tái định cư	24.317.644.713 đồng
Chi phí xây dựng	36.236.022.800 đồng
Chi phí thiết bị	6.577.289.000 đồng
Chi phí quản lý dự án	1.077.994.839 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.607.061.320 đồng
Chi phí khác	1.051.804.688 đồng
Chi phí dự phòng	8.304.153.681 đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2020 - 2025

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công (ngân sách tỉnh).

Tiến độ bố trí vốn theo tình hình thực tế của dự án khi triển khai thực hiện.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên là đơn vị quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ theo các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1783/SXD-KTKT ngày 05/5/2025.

Điều 3. Căn cứ dự án đầu tư được phê duyệt, Chủ đầu tư tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo đầu tư tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND Thành phố Tân Uyên; thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Các Sở: XD, TC, NNMT;
- UBND, BQLDA thành phố Tân Uyên;
- KBNN KV16 tỉnh;
- LĐVP, Kh, Tr, KT, KGVX, TH;
- Lưu: VT. 7



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Trí

